

**CÔNG TY ĐẤU GIÁ
HỢP DANH TOÀN THÀNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

UBND TỈNH THANH HÓA

Số: 107/TB-IT

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 11 năm 2023

ĐẾN Số:.....68031.....
Ngày: 28/11/23..

Chuyển: (V/v đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu dân cư đường kè QL45, thị trấn Quán

Số và ký hiệu HS:.....

THÔNG BÁO
Lào, huyện Yên Định, huyện Yên Định)

1. Đơn vị tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất: Công ty đấu giá hợp danh Toàn Thành.

Địa chỉ: SN 59, đường Lê Chân, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hoá.

2. Đơn vị có tài sản đấu giá: UBND huyện Yên Định.

3. Địa điểm, diện tích khu đất đấu giá:

3.1. Địa điểm: Tại thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định

3.2. Diện tích và tổng số lô đất đấu giá:

MBQH khu dân cư đường kè QL45 có diện tích từ 111,5 m² đến 155,5 m²/01 lô.
Gồm 10 lô đất. (Các lô: B43, B44, B49, B51, B56, C106, C107, C92, C93, C99).

3.3. Giá khởi điểm:

Mức giá khởi điểm cho từng lô đất là: **Từ 1.293.400.000 đồng đến 1.866.000.000 đồng/lô đất.** (Có tài phụ lục kèm theo).

Mức giá trên là giá đất đã được GPMB và hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật theo MBQH được cấp, có thẩm quyền phê duyệt.

3.4. Tiền đặt trước để tham gia đấu giá là: Từ 258.680.000 đồng đến 373.200.000 đồng/01 bộ hồ sơ

4. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá là: 500.000 đồng/01 bộ hồ sơ. Hồ sơ đã mua không được hoàn trả lại.

5. Mục đích, thời hạn sử dụng đất: - Mục đích sử dụng đất: Đất ở;
- Thời gian sử dụng: Lâu dài.

6. Hình thức, Phương thức đấu giá: Đấu giá một lượt tất cả các lô đất theo hình thức bỏ phiếu kín một vòng. Khách hàng đăng ký lô tại cuộc đấu giá tương ứng với lô đất có mức tiền đặt trước đã nộp. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

7. Đối tượng tham gia đấu giá: Hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật.

8. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: Từ ngày 30/11/2023 đến ngày 19/12/2023 tại khu đất đấu giá thị trấn Quán Lào.

Người tham gia đấu giá tự tìm hiểu thực địa khu đất đấu giá và tham khảo hồ sơ, quy chế đấu giá, bản vẽ MBQH khu đất đấu giá được niêm yết công khai tại trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Toàn Thành và tại trụ sở UBND thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

9. Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ:

- Tại UBND thị trấn Quán Lào: Bán và tiếp nhận (thu) hồ sơ vào buổi sáng ngày 18/12/2023 (Giờ hành chính); Buổi sáng ngày 19/12/2023 (Giờ hành chính – ngày cuối cùng bán và thu hồ sơ).

- Tại Công ty: Bán và tiếp nhận (thu) hồ sơ từ ngày 28/11/2023 đến ngày 19/12/2023 (Giờ hành chính – ngày cuối cùng bán và thu hồ sơ).

đấu giá quyền sử dụng đất thị trấn Quán Lào.

11. Thời gian, địa điểm đấu giá:

- Thời gian: **Bắt đầu từ 07h30' ngày 22/12/2023;**
- Địa điểm tổ chức: UBND thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định.

12. Thời gian trả lại tiền đặt trước cho khách hàng không trúng đấu giá:

- Thời gian: Thông báo tại cuộc đấu giá (Trả lại vào sổ tài khoản hoặc theo CCCD).

Cá nhân có nhu cầu đấu giá quyền sử dụng các lô đất nói trên muốn biết thêm thông tin xin liên hệ với Công ty đấu giá hợp danh Toàn Thành (trong giờ hành chính). Đ/c: SN 59, đường Lê Chân, P.Đông Thọ, Tp.Thanh Hóa. ĐT: 0904.898.068.

Kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hoá đăng tải nội dung thông báo lên cổng thông tin điện tử.

Nơi nhận:

- UBND huyện Yên Định;
- UBND thị trấn Quán Lào;
- Báo Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Khách hàng tham gia đấu giá;
- Lưu VT.



Đấu giá viên: Lê Bá Tự

PHỤ LỤC

Chi tiết diện tích, giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ, tiền đặt trước để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư đường Kép QL45, thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Thông báo đấu giá quyền sử dụng đất số 10/TB-TT)

STT		Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Giá khởi điểm của lô (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Tiền đặt trước tham gia đấu giá (đồng)
	Khu B					
1	B:43	131,7	12.000.000	1.580.400.000	500.000	316.080.000
2	B:44	131,5	12.000.000	1.578.000.000	500.000	315.600.000
3	B:49	130,5	12.000.000	1.566.000.000	500.000	313.200.000
4	B:51	130,1	12.000.000	1.561.200.000	500.000	312.240.000
5	B:56	155,5	12.000.000	1.866.000.000	500.000	373.200.000
	Khu C					
6	C:106	136,1	11.600.000	1.578.760.000	500.000	315.752.000
7	C:107	132,3	11.600.000	1.534.680.000	500.000	306.936.000
8	C:92	116,7	11.600.000	1.353.720.000	500.000	270.744.000
9	C:93	111,5	11.600.000	1.293.400.000	500.000	258.680.000
10	C:99	139,5	11.600.000	1.618.200.000	500.000	323.640.000
Cộng		1.315,4		15.530.360.000		3.106.072.000